

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 11 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/02/2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hồng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Lý**

Ông Hồ Sỹ Hoài

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Nguyễn Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 569/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1993

Địa chỉ: E T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: E T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Trần Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy T tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2023 ông Nguyễn Duy T ham chơi, bỏ bê vợ con, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con. Ông T nghỉ việc và dùng tiền bảo hiểm xã hội để tiêu xài cho bản thân. Bà

và ông T đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay bà L cảm thấy không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Duy T1 - sinh ngày 06/7/2015 và cháu Nguyễn Trần Nhật T2 - sinh ngày 28/10/2022. Ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Trần Duy T1 và cháu Nguyễn Trần Nhật T2. Bà L không yêu cầu ông Nguyễn Duy T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy T: Mặc dù, đã được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng ông Nguyễn Duy T không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Duy T cũng như không hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Duy T; giao 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Duy T1 - sinh ngày 06/7/2015 và cháu Nguyễn Trần Nhật T2 - sinh ngày 28/10/2022 cho bà Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành; Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; Bà L chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật:

Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Duy T nên tranh chấp giữa bà L và ông T là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Bị đơn ông Nguyễn Duy T có hộ khẩu thường trú tại E T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

[1.3]. Về sự có mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa, bà Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Duy T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L xác định, bà và ông Nguyễn Duy T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2015 ngày 11/05/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà L cho rằng, quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2023, ông Nguyễn Duy T ham chơi, bỏ bê, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con. Ông T nghỉ việc và dùng tiền bảo hiểm xã hội để tiêu xài cho bản thân. Bà và ông T đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2023 cho đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà L.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận để bà L được ly hôn ông T.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Duy T có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Duy T1 - Sinh ngày 06/7/2015 và cháu Nguyễn Trần Nhật T2 - Sinh ngày 28/10/2022.

Ly hôn, bà L đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Trần Duy T1 và cháu Nguyễn Trần Nhật T2. Con chung Nguyễn Trần Duy T1 (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được sống với mẹ. Đến ngày xét xử sơ thẩm, con chung Nguyễn Trần Nhật T2 chưa tròn 3 tuổi. Do đó, đề nghị của bà L phù hợp với nguyện vọng của con và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà L trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, đào tạo đến tuổi trưởng thành.

Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn ông Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao hai con chung cháu Nguyễn Trần Duy T1 - sinh ngày 06/7/2015 và cháu Nguyễn Trần Nhật T2 - sinh ngày 28/10/2022 cho bà Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà L, ông T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002612 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND T. Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang,
- T. Khánh Hòa (số 71/2015, ngày 11/5/2015);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng